TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân

2. Ông Lê Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: bà Đàm Nguyên Phượng– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Bùi Ngọc P, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp 2, Xã Phạm Văn H, Huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ 07, ấp Thành N, xã Thanh L, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

Chị P có đơn yêu cầu vắng mặt, anh H vắng không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/02/2022 lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Ngọc Ptrình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Bùi Ngọc H chung sống và kết hôn năm 2014 tại Uỷ ban nhân dân xã Phạm Văn H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, anh chị đã cố gắng hàn gắn vì con nhưng không được, vợ chồng anh chị đã ly than từ đầu năm 2021 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Bùi Gia B, sinh ngày 28/7/2014. Con có nguyện vọng được sống cùng mẹ, chị cũng có nguyện vọng được nuôi con. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết, chị xác định vợ chồng không có nợ chung.

Anh Nguyễn Văn H không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự là nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố dụng dân sự 2015.

- Về nội dung: căn cứ Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Bùi Ngọc Pđối với anh Nguyễn Văn H. Giao con chung cho chị Pnuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con do chị Pkhông yêu cầu. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung xác định không có nên không đặt ra giải quyết. Chị Pphải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Ngọc Pvụ án có quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh Nguyễn Văn H không đến tòa án. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H. Riêng chị Pcó đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Phước.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: anh chị tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phạm Văn H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh năm 2014 nên hôn nhân giữa chị Pvà anh H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Chị Ptrình bày vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh H nếu có phản đối yêu cầu của người khác đối với mình thì phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Tuy nhiên, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử anh H không đến Tòa án, không thể hiện ý kiến về việc chị Pyêu cầu ly hôn. Do đó, xem như anh H không muốn níu kéo quan hệ hôn nhân với chị Phước, theo quy định Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ. Như vậy, xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phước.

[4] Về con chung: con hiện đang sống với chị Pvà có nguyện vọng sống với mẹ nên xét thấy cần giao con chung là Nguyễn Bùi Gia B, sinh ngày 28/7/2014 cho chị Ptrông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Pkhông yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: chị Pkhông yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Chị xác định vợ chồng không nợ ai.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Pphải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Bùi Ngọc Pđối với anh Nguyễn Văn H.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Bùi Ngọc Pvà anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: giao con chung là Nguyễn Bùi Gia B, sinh ngày 28/7/2014 cho chị Ptrực tiếp nuôi dưỡng. Chị Pkhông yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: chị Pkhông yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, chị trình bày vợ chồng không nợ ai.

2. Về án phí: chị Bùi Ngọc Pphải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo

biên lai thu số 0017116 ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Hoàng **Nguyễn Văn Vân** **Lâm Thúy Liễu**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Hoàng **Nguyễn Văn Vân** **Lâm Thúy Liễu**